BTVN: CẤU TRÚC ĐỀ THI VÀ CÁC DẠNG BÀI THƯỜNG GẶP
MÔN: NGỮ VĂN 12
BIÊN SOẠN: TUYENSINH247.COM

MỤC TIÊU

- ✓ *Nắm được cấu trúc đề thi và các dạng bài tập thường gặp trong đề thi ĐGTD Bách Khoa*
- ✓ *Trải nghiệm thi*

PHẦN 1: ĐỌC HIỂU

ID: (842928) Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Ngắt kết nối một phần khiến não rơi vào trạng thái ngủ sâu

Nghiên cứu về tác động của phẫu thuật điều trị động kinh giúp các nhà khoa học hiểu rõ hơn về trạng thái ý thức và vô thức của não bộ.

Các dao động não chậm, một dạng hoạt động não giống như khi ngủ sâu, vẫn tiếp tục xuất hiện trong phần não đã được phẫu thuật tách rời khỏi phần còn lại, ngay cả khi bệnh nhân hoàn toàn tỉnh táo. Phát hiện này, được công bố trên tạp chí PLoS Biology, giúp làm sáng tỏ hơn cách bộ não duy trì và đánh mất ý thức.

Ở những trẻ em bị động kinh nặng và kháng thuốc, các bác sĩ đôi khi phải thực hiện phẫu thuật tách bán cầu não (hemispherotomy). Trong thủ thuật này, vùng não gây ra các cơn co giật được ngắt kết nối khỏi phần còn lại của não, nhằm ngăn tín hiệu bệnh lý lan rộng. Phần não bị ngắt kết nối vẫn được giữ nguyên trong hộp sọ và vẫn có nguồn cung cấp máu bình thường.

Nhóm nghiên cứu muốn tìm hiểu xem liệu phần não bị cô lập có còn khả năng nhận thức hay không — tức là nó có thể biểu hiện bất kỳ dạng ý thức nào không, theo lời Marcello Massimini, nhà sinh lý thần kinh tại Đại học Milan (Ý), đồng tác giả nghiên cứu. "Câu hỏi đặt ra vì chúng ta không thể trực tiếp tiếp cận vùng bị ngắt," ông giải thích, "và chưa rõ điều gì sẽ xảy ra khi một phần não bị tách biệt hoàn toàn."

Theo Ariel Zeleznikow-Johnston, nhà thần kinh học tại Đại học Monash (Úc), nghiên cứu về ý thức vốn rất khó, bởi "hiện không có tiêu chí thống nhất nào xác định rõ ràng đâu là dấu hiệu của trạng thái có ý thức hay vô thức" trên các bản ghi điện não (EEG) hay hoạt động thần kinh. Ngay cả khái niệm "vô thức" cũng mơ hồ, bởi các hoạt động đặc trưng của ý thức — chẳng hạn nhớ lại giấc mơ — vẫn có thể xảy ra trong những trạng thái vốn được xem là vô thức, như ngủ sâu hay gây mê, Massimini nói thêm.

Khi não vừa ngủ vừa tỉnh

Nhóm các nhà khoa học từ Ý, Úc và Vương quốc Anh đã phân tích điện não đồ (EEG) — phương pháp đo hoạt động điện của não — ở 10 trẻ em trước và sau khi thực hiện phẫu thuật tách bán cầu, trong khoảng thời gian từ 6 tháng đến 3 năm. Họ so sánh kết quả này với dữ liệu EEG của trẻ em khỏe mạnh, được ghi lại khi chúng thức và khi ngủ. Kết quả cho thấy, hoạt động điện não ở vùng bị ngắt kết nối chậm lại rõ rệt sau phẫu thuật, trong khi vùng não còn nguyên vẹn không thay đổi đáng kể. EEG của vùng còn lại giống với não của

trẻ khỏe mạnh đang tỉnh táo, còn vùng bị tách lại xuất hiện sóng chậm delta — dạng sóng đặc trưng của giấc ngủ sâu.

Điều đáng chú ý là mẫu sóng chậm này kéo dài suốt nhiều tháng, thậm chí nhiều năm sau phẫu thuật. Theo Massimini, hiện vẫn chưa rõ vai trò thực sự của hiện tượng này. Các mô hình tương tự cũng từng được ghi nhận ở những vùng não bị tổn thương do đột quỵ hoặc chấn thương sọ não trong khi bệnh nhân vẫn tỉnh. Ông cho rằng hiện tượng này có thể là một cơ chế bảo vệ, giúp duy trì sự ổn định môi trường nội tại của não, hoặc hỗ trợ quá trình thích nghi sau tổn thương.

Massimini nhận định, phát hiện này góp phần mở rộng hiểu biết về ranh giới giữa ý thức và vô thức. Sóng chậm delta vốn gắn liền với giai đoạn ngủ sâu nhất, được xem là trạng thái vô thức, bởi người bị đánh thức trong giai đoạn đó thường không nhớ gì về giấc mơ. "Càng hiểu rõ hơn về những mẫu sóng này, chúng ta càng tự tin hơn trong việc xác định liệu một người — hay một phần não của họ — đang có ý thức hay không," ông nói.

Hai tâm trí trong một bộ não?

Giả thuyết từ lâu cho rằng cắt đứt liên lạc giữa hai bán cầu não có thể tạo ra hiện tượng 'não chia đôi' (split-brain), trong đó mỗi bán cầu có một dạng ý thức riêng biệt, Zeleznikow-Johnston giải thích. Các thí nghiệm từ thập niên 1960–1980 từng cho thấy người có hai bán cầu tách biệt có thể dùng tay trái nhận biết vật thể trong tầm nhìn trái, nhưng lại nói rằng họ không thấy gì — do bán cầu trái, nơi điều khiển lời nói, không nhận thông tin từ mắt trái, còn bán cầu phải thì nhận biết nhưng không nói được.

Tuy nhiên, nghiên cứu mới nhất cho thấy các vùng não bị ngắt kết nối hoàn toàn không duy trì ý thức riêng biệt. Theo Ian Kirk, nhà thần kinh học nhận thức tại Đại học Auckland (New Zealand), "Nếu cô lập một phần não, có vẻ như nó đơn giản là 'ngừng hoạt động' — giống như một thiết bị bị rút khỏi mạng lưới."

(Theo Phạm Hài – *Tạp chí Tia sáng*)

Câu 1: Ý chính nổi bật nhất của đoạn văn là gì?

A. Phẫu thuật tách bán cầu não giúp chữa khỏi hoàn toàn bệnh động kinh.

B. Não bộ vẫn duy trì sóng chậm như ngủ sâu ở vùng bị tách biệt, dù bệnh nhân tỉnh táo.

C. Sóng não chậm là nguyên nhân gây ra các cơn động kinh ở trẻ em.

D. Người có hai bán cầu tách biệt luôn có hai ý thức độc lập.

Câu 2: Theo bài, lý do nào khiến việc nghiên cứu về ý thức trở nên khó khăn?

A. Do chưa có thiết bị đo điện não EEG đủ chính xác.

B. Do không thể tiếp cận trực tiếp vùng não bị ngắt kết nối.

C. Do thiếu tiêu chí thống nhất về dấu hiệu của ý thức và vô thức.

D. Do trẻ em sau phẫu thuật thay đổi hành vi khó dự đoán.

Câu 3: Chọn hai thông tin đúng theo văn bản:

A. Sóng chậm delta ở vùng não bị tách biến mất hoàn toàn sau vài tháng.

B. Các mẫu sóng chậm cũng từng xuất hiện ở vùng não bị tổn thương do đột quỵ hoặc chấn thương.

C. Vùng não còn nguyên vẹn sau phẫu thuật có EEG giống não trẻ khỏe mạnh đang tỉnh táo.

D. Sau phẫu thuật, cả hai vùng não đều ghi nhận sóng chậm delta.

Câu 4: Điền từ vào chỗ trống:

Phần não bị tách ra khỏi mạng lưới chung vẫn duy trì các dao động chậm kéo dài, cho thấy nó rơi vào trạng thái giống như đang _____.

Câu 5: Nhận định sau đây là đúng hay sai:

"Phần não bị tách biệt có thể duy trì một dạng ý thức riêng biệt."

Câu 6: Nối đáp án – 4 cặp thông tin từ bài

Cột A	Cột B
1. Sóng chậm delta	a. Đặc trưng của giấc ngủ sâu
2. Hemispherotomy	b. Tách vùng gây co giật khỏi phần còn lại của não
3. EEG	c. Đo hoạt động điện của não
4. Hiện tượng "não chia đôi"	d. Giả thuyết mỗi bán cầu có ý thức riêng

Câu 7: Từ cho sẵn: *tỉnh táo – vô thức – sóng – tách biệt*

Hoàn thành các câu sau:

1. Vùng não bị _____ vẫn xuất hiện các dao động chậm kéo dài.
2. Sóng delta thường gắn với trạng thái được xem là _____.
3. Dù bệnh nhân hoàn toàn _____, phần não bị ngắt kết nối vẫn tạo sóng chậm.
4. Nhóm nghiên cứu phân tích các dạng _____ trên EEG để so sánh hoạt động giữa các vùng.

Câu 8: Vì sao bác sĩ phải thực hiện tách bán cầu não ở trẻ bị động kinh nặng?

A. Để loại bỏ hoàn toàn phần não bị tổn thương.

B. Để ngăn tín hiệu bệnh lý lan rộng gây co giật.

C. Để phục hồi khả năng ngôn ngữ bị mất.

D. Để làm giảm sóng delta xuất hiện bất thường.

Câu 9: Ý nghĩa quan trọng nhất của nghiên cứu này là gì?

A. Xác định được nguyên nhân chính gây ra động kinh ở trẻ em.

B. Làm sáng tỏ cơ chế giúp não hồi phục sau tổn thương.

C. Mở rộng hiểu biết về ranh giới giữa ý thức và vô thức.

D. Chứng minh vùng não bị tách có thể hoạt động độc lập.

Câu 10: Từ toàn bộ thông tin, đâu là kết luận hợp lý nhất về bản chất hoạt động của phần não bị tách biệt?

A. Nó vẫn duy trì đầy đủ chức năng như khi còn kết nối.

B. Nó rơi vào trạng thái hoạt động đơn giản, ưu tiên duy trì môi trường nội tại.

C. Nó hình thành một dạng ý thức mới không thể đo bằng EEG.

D. Nó kiểm soát các hành vi vô thức của cơ thể.

ID: (842944) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu hỏi

Có khả năng AI thay thế người thầy?

Những cản trở khi mở rộng sử dụng công cụ AI trong giáo dục

Những phân tích ở trên đã cho thấy phần nào những hạn chế của các công cụ AI tạo sinh trong giáo dục và đào tạo như thiếu khả năng tương tác hỗ trợ cho quá trình học tập, không có khả năng đánh giá, xác định trình độ đầu vào của người học. Liệu những hạn chế này có thể được khắc phục với những phát triển công nghệ như robot đứng lớp tích hợp AI tạo sinh hoặc các LMS (Learning Management System) tích hợp AI tạo sinh? Với những phát triển công nghệ gần đây, chẳng hạn robot AI thực hiện phẫu thuật hay robot AI thao tác với vật thể mềm dẻo, robot AI có khả năng xử lý các hoạt động phức hợp, điều khiển, giao tiếp và tương tác với một nhóm lớn chứ không phải chỉ với cá nhân, có thể xuất hiện trong tương lai không xa. Đây là một khả năng mở cho dù việc đại trà hóa robot dạng này để triển khai cho giáo dục đại trà còn nhiều vấn đề về hiệu quả chi phí. Ngoài những vấn đề nói trên, còn hai hạn chế lớn cản trở việc sử dụng ChatGPT cho giáo dục.

Độ tin cậy

Ngay cả khi sử dụng ChatGPT để cung cấp kiến thức đầu vào, giáo dục cũng phải đối mặt với vấn đề về độ tin cậy. Tỷ lệ câu trả lời chính xác của ChatGPT hiện nay được đánh giá rơi vào khoảng 70-80%. Tỷ lệ này có thể được cải thiện theo thời gian khi ChatGPT đời mới hơn xuất hiện, có thêm 'dữ liệu đào tạo' cho nó. Trải nghiệm thực tế của người dùng cho thấy ChatGPT sẵn sàng xào xáo thông tin nó có, bịa đặt câu trả lời, bịa đặt cả các bài báo khoa học. Vấn đề về độ tin cậy từng được đặt ra khi Wikipedia xuất hiện, gây tranh luận xung quanh việc liệu Wikipedia có nên được dùng làm nguồn tham khảo trong các bài luận và báo cáo khoa học. Rõ ràng, để dùng cho mục đích giáo dục, việc xác thực thông tin ChatGPT cung cấp là một thách thức và sẽ là một nhiệm vụ của tương lai. Với tốc độ phát triển chóng mặt của AI tạo sinh, việc xác thực thông tin sử dụng cho mục đích giáo dục ở quy mô hạn chế không phải là không thể.

Tính hướng đối tượng

Khi nhận được câu hỏi, ChatGPT dựa trên các key words của câu hỏi và dữ liệu nó có (đã được đào tạo) để 'sản xuất' câu trả lời chung cho mọi đối tượng người hỏi. Mặc dù khi người hỏi đưa thêm thông tin về độ tuổi (chẳng hạn, trẻ em) thì ChatGPT cũng lập tức điều chỉnh tông giọng vui vẻ, pha chút nhí nhố, về cơ bản câu trả lời không có tính hướng đối tượng (audiance-orientedness). Trong khi đó, để trẻ/ người học có thể xây dựng được các liên kết thần kinh, hay phát triển các khung mẫu nhận thức (schema, theo học thuyết Schema) các thông tin đầu vào cần phù hợp theo nhiều cách với người tiếp nhận thông tin. Việc tối quan trọng là đưa các đầu móc nối giúp liên hệ, liên kết với kiến thức/ khung mẫu đã có với thông tin mới hoàn toàn không thể thực hiện được vì ChatGPT không biết người hỏi là ai, không thực hiện đánh giá, chẩn đoán tình trạng hiện tại (vùng phát triển gần, theo lý thuyết của Vygotsky) của người học trong khi giáo viên có thể thực hiện việc này thường ngày, không gặp khó khăn.

Khác với vấn đề về độ tin cậy và việc xác thực thông tin AI cung cấp, việc thiếu tính hướng đối tượng của ChatGPT không dễ xử lý. Trừ khi AI tạo sinh được tích hợp vào robot có năng lực tương tác phức hợp để

đảm nhận vai trò của một thợ dạy, vấn đề này có thể được khắc phục phần nào. Tuy vậy, một lần nữa, vấn đề hiệu quả chi phí của việc sử dụng 'máy dạy' cũng khiến lựa chọn này trở nên bất hợp lý.

Giả sử có robot AI giảng dạy tinh vi như vậy, việc sử dụng 'máy dạy' này khả thi nhất sẽ là ở các chương trình đào tạo nghề, đào tạo kỹ năng, mà hoàn toàn không phù hợp với giáo dục phổ thông, nhất là ở bậc thấp như mầm non và tiểu học. Mức độ phù hợp ở giáo dục đại học cũng sẽ cần cân nhắc kỹ lưỡng do đặc thù sáng tạo, phát triển tri thức ở bậc đào tạo này. Hiện tại, các phần mềm ứng dụng AI để rèn kỹ năng ngôn ngữ và học ngoại ngữ đang ngày càng trở nên hiệu quả. Chúng cũng là những công cụ hữu ích cho phép học tập suốt đời cho những người trưởng thành.

(TS. Đỗ Thị Ngọc Quyên, *AI có thể thay thế người thầy?* Tạp chí Tia sáng)

Câu 11: Nội dung chính của văn bản là gì?

A. Khẳng định AI sẽ sớm thay thế hoàn toàn giáo viên trong mọi cấp học.

B. Đánh giá các ưu điểm vượt trội của robot AI trong giáo dục.

C. Phân tích những hạn chế lớn khiến AI khó có thể thay thế người thầy trong giáo dục.

D. Mô tả quy trình tích hợp ChatGPT vào các LMS hiện đại.

Câu 12: Theo văn bản, tỷ lệ câu trả lời chính xác hiện nay của ChatGPT được đánh giá là khoảng:

A. 40–50% **B.** 50–60% **C.** 70–80% **D.** 85–95%

Câu 13: Theo văn bản, hai hạn chế lớn cản trở việc sử dụng ChatGPT trong giáo dục là:

A. Không xác định được trình độ đầu vào của người học.

B. Chi phí đào tạo mô hình quá cao.

C. Độ tin cậy của câu trả lời chưa đảm bảo.

D. Tính hướng đối tượng trong câu trả lời rất hạn chế.

Câu 14: Điền từ vào chỗ trống:

Để sử dụng AI cho mục đích giáo dục, việc xác thực thông tin đầu ra là một _____ quan trọng mà con người phải đảm nhận.

Câu 15: Nhận định sau đây là đúng hay sai:

"ChatGPT có thể đánh giá tình trạng nhận thức hiện tại của người học và điều chỉnh nội dung phù hợp."

Câu 16: Nối đáp án ở cột A và cột B sao cho phù hợp:

Cột A	Cột B
1. Vấn đề độ tin cậy	a. Câu trả lời có thể sai, bịa đặt thông tin
2. Tính hướng đối tượng	b. Không phù hợp với đặc thù giáo dục phổ thông
3. Robot AI phức hợp	c. Có thể giao tiếp, điều khiển, thao tác phức tạp
4. "Máy dạy" trong giáo dục	d. Không biết người học là ai, không chẩn đoán trình độ

Câu 17: Từ cho sẵn: *chi phí – tương tác – độ tuổi – xác thực*

Điền từ vào chỗ trống:

1. Việc sử dụng robot AI tinh vi trong giáo dục đại trà gặp trở ngại lớn về hiệu quả _____.

2. ChatGPT không có khả năng điều chỉnh câu trả lời theo _____ của người học.

3. Muốn sử dụng AI làm nguồn cung cấp kiến thức, việc _____ thông tin là điều bắt buộc.

4. Robot AI có thể vượt trội hơn ChatGPT vì có khả năng _____ phức hợp.

Câu 18: Nguyên nhân nào sau đây khiến việc dùng robot AI làm "máy dạy" trở nên bất hợp lý trong giáo dục phổ thông?

A. Nội dung học tập ở phổ thông không thể chuẩn hóa.

B. Chi phí để triển khai đại trà robot AI quá cao so với hiệu quả.

C. Học sinh phổ thông không thể tương tác với robot.

D. Robot không thể giao tiếp với nhiều cá nhân cùng lúc.

Câu 19: Đóng góp quan trọng nhất của bài viết là:

A. Chứng minh AI sẽ sớm thay thế hoàn toàn giáo viên trong giáo dục đại học.

B. Chỉ ra những lĩnh vực mà AI hiện đã vượt trội hơn con người.

C. Phân tích ranh giới và điều kiện khiến AI khó thay thế vai trò người thầy.

D. Khẳng định robot AI là giải pháp tối ưu cho mọi cấp học.

Câu 20: Từ nội dung toàn bài, kết luận hợp lý nhất về khả năng AI thay thế giáo viên là:

A. Khả năng thay thế hoàn toàn trong tương lai gần là rất cao.

B. AI có thể thay thế hoàn toàn giáo viên ở mọi bậc học nếu kỹ thuật robot đủ hiện đại.

C. AI chỉ có thể đảm nhận một số tác vụ nhất định, đặc biệt ở đào tạo nghề hoặc học kỹ năng.

D. AI hiện tại chỉ phù hợp để dùng trong nghiên cứu, không thể ứng dụng vào giáo dục.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

PHẦN 1: ĐỌC HIỂU

Câu 1 (NB):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Bài viết nhấn mạnh phát hiện khoa học quan trọng:

→ Vùng não bị tách rời vẫn xuất hiện sóng chậm giống ngủ sâu, dù bệnh nhân hoàn toàn tỉnh táo. Đây là nội dung lặp lại nhiều lần trong đoạn, là ý chính nổi bật nhất.

- Phân tích đáp án sai:

+ A. Sai: Văn bản không nói phẫu thuật chữa khỏi hoàn toàn động kinh; chỉ nói mục đích là ngăn tín hiệu lan rộng.

+ C. Sai: Sóng chậm không phải nguyên nhân gây động kinh; bài không nêu điều này.

+ D. Sai: Thực nghiệm mới nhất không chứng minh mỗi bán cầu duy trì một ý thức độc lập; văn bản kết luận điều ngược lại.

Đáp án: B

Câu 2 (NB):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Ariel Zeleznikow-Johnston khẳng định:

→ "Không có tiêu chí thống nhất để xác định rõ ràng trạng thái có ý thức hay vô thức"

→ Đây là lý do khiến nghiên cứu ý thức trở nên khó khăn.

- Phân tích đáp án sai:

+ A. Sai: Bài không đề cập việc thiết bị EEG thiếu chính xác.

+ B. Sai: Đây là khó khăn của nhóm nghiên cứu về phần não bị tách, không phải lý do chung khiến nghiên cứu ý thức khó.

+ D. Sai: Văn bản không nói trẻ thay đổi hành vi là nguyên nhân.

Đáp án: C

Câu 3 (NB):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng:

+ B đúng: Văn bản nói hiện tượng sóng chậm "từng được ghi nhận ở vùng não bị tổn thương do đột quỵ hoặc chấn thương sọ não".

+ C đúng: Vùng não còn nguyên vẹn có EEG "giống với não của trẻ khỏe mạnh đang tỉnh táo".

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: Bài viết khẳng định sóng chậm kéo dài nhiều tháng, nhiều năm, không biến mất sau vài tháng.

+ D sai: Chỉ vùng bị tách xuất hiện sóng delta; vùng còn nguyên không có.

Đáp án: B, C

Câu 4 (TH):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

Phần não bị tách xuất hiện sóng chậm delta, đặc trưng của giấc ngủ sâu, dù bệnh nhân tỉnh táo → suy ra trạng thái giống ngủ sâu.

Đáp án: ngủ sâu

Câu 5 (TH):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Văn bản kết luận:

→ "Các vùng não bị ngắt kết nối hoàn toàn không duy trì ý thức riêng biệt... có vẻ như nó 'ngừng hoạt động'."

→ Vì vậy, nhận định "duy trì dạng ý thức riêng biệt" là sai.

Đáp án: sai

Câu 6 (TH):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Giải thích từng cặp:

+ 1 – a: Sóng delta = sóng của giấc ngủ sâu.

+ 2 – b: Hemispherotomy = tách vùng gây co giật khỏi phần còn lại.

+ 3 – c: EEG = đo hoạt động điện của não.

+ 4 – d: "Não chia đôi" = giả thuyết hai bán cầu có hai ý thức.

Đáp án: 1–a; 2–b; 3–c; 4–d

Câu 7 (VD):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phần não bị tách biệt vẫn có sóng chậm.

- Sóng delta gắn với trạng thái vô thức.

- Bệnh nhân tỉnh táo nhưng vùng não ngắt kết nối vẫn tạo sóng chậm.

- Nhóm nghiên cứu phân tích các dạng sóng.

Đáp án: tách biệt – vô thức – tỉnh táo – sóng.

Câu 8 (VD):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Mục đích của phẫu thuật:

→ "ngăn tín hiệu bệnh lý lan rộng", tức ngăn co giật lây sang vùng khác.

- Phân tích đáp án sai:

+ A: Không loại bỏ phần não; phần tách vẫn giữ nguyên.

+ C: Không đề cập hồi phục ngôn ngữ.

+ D: Sóng delta không phải mục tiêu phẫu thuật.

Đáp án: B

Câu 9 (VD):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Phát hiện về sóng chậm delta giúp "mở rộng hiểu biết về ranh giới giữa ý thức và vô thức".

→ Đây là ý nghĩa lớn nhất của nghiên cứu.

- Phân tích đáp án sai:

+ A: Không nghiên cứu nguyên nhân gây động kinh.

+ B: Chỉ nêu giả thuyết về cơ chế bảo vệ, không phải trọng tâm.

+ D: Ngược lại, nghiên cứu chứng minh không có ý thức riêng biệt.

Đáp án: C

Câu 10 (VD):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Mô tả vùng tách biệt cho thấy:

+ Chỉ duy trì sóng chậm kéo dài.

+ Giả thuyết: đây là cơ chế bảo vệ, duy trì ổn định nội tại, hỗ trợ thích nghi.

→ Suy luận: phần não rơi vào trạng thái hoạt động đơn giản, ưu tiên duy trì môi trường nội tại.

- Phân tích đáp án sai:

+ A: Không duy trì đầy đủ chức năng.

+ C: Không có bằng chứng hình thành ý thức mới.

+ D: Không đề cập việc nó điều khiển hành vi vô thức của cơ thể.

Đáp án: B

Câu 11 (NB):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Toàn bộ văn bản tập trung phân tích các hạn chế lớn của AI trong giáo dục:

+ thiếu khả năng tương tác

+ không đánh giá được người học

+ vấn đề về độ tin cậy

+ thiếu tính hướng đối tượng

+ hạn chế trong chi phí và tính phù hợp

→ Vì thế, ý đúng nhất là C.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: Bài không khẳng định AI sẽ sớm thay thế giáo viên, mà nhấn mạnh rất nhiều cản trở.

+ B sai: Robot AI được nêu như khả năng mở, không phải ưu điểm vượt trội hay trọng tâm.

+ D sai: Văn bản không mô tả quy trình tích hợp LMS.

Đáp án: C

Câu 12 (NB):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng:

+ Văn bản ghi rõ: "Tỷ lệ câu trả lời chính xác của ChatGPT hiện nay được đánh giá rơi vào khoảng 70–80%".

- Phân tích đáp án sai: A, B, D đều không khớp với số liệu được nêu.

Đáp án: C

Câu 13 (NB):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng:

+ Hai hạn chế lớn trong bài:

+ Độ tin cậy (nhiều câu trả lời sai, bịa đặt thông tin).

- Tính hướng đối tượng kém (không biết người học là ai, không chẩn đoán trình độ)

→ Đúng với C và D.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: Đây là hạn chế của AI nói chung nhưng văn bản không xếp vào "hai hạn chế lớn".

+ B sai: Chi phí cao liên quan đến robot AI, không phải hạn chế của ChatGPT.

Đáp án: C, D

Câu 14 (TH):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Văn bản: "…việc xác thực thông tin ChatGPT cung cấp là một nhiệm vụ của tương lai."

Đáp án: nhiệm vụ

Câu 15 (TH):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Bài viết khẳng định:

→ "ChatGPT không biết người hỏi là ai, không thực hiện đánh giá, chẩn đoán tình trạng hiện tại của người học…"

→ Vì vậy không thể điều chỉnh nội dung phù hợp.

Đáp án: Sai

Câu 16 (TH):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Giải thích từng cặp:

1 – a: Độ tin cậy liên quan đến việc "bịa đặt thông tin".

2 – d: Thiếu tính hướng đối tượng = không biết người học là ai.

3 – c: Robot AI phức hợp có khả năng giao tiếp, xử lý tác vụ khó.

4 – b: "Máy dạy" không phù hợp với giáo dục phổ thông do đặc thù lứa tuổi.

Đáp án: 1–a; 2–d; 3–c; 4–b

Câu 17 (VD):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Robot AI tinh vi đắt đỏ → trở ngại về chi phí.
- ChatGPT không điều chỉnh theo độ tuổi người học.
- Dùng AI trong giáo dục phải luôn xác thực thông tin đầu ra.
- Robot AI có lợi thế nhờ khả năng tương tác phức hợp.

Đáp án: chi phí – độ tuổi – xác thực – tương tác

Câu 18 (VD):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Văn bản nêu: việc dùng robot AI trong giáo dục đại trà gặp vấn đề *"về hiệu quả chi phí"*.

→ Robot quá đắt, không phù hợp phổ thông.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: Văn bản không nói nội dung phổ thông không chuẩn hóa.

+ C sai: Học sinh hoàn toàn tương tác được; robot đã có khả năng giao tiếp phức hợp.

+ D sai: Robot có thể giao tiếp với nhóm lớn, văn bản khẳng định điều này.

Đáp án: B

Câu 19 (VD):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Đóng góp chính của bài là:

→ Phân tích các rào cản để thấy AI khó thay thế người thầy.

→ Nhấn mạnh ranh giới giữa AI hỗ trợ và vai trò giáo viên.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: Bài không khẳng định AI sẽ thay thế giáo viên đại học.

+ B sai: Văn bản không liệt kê lĩnh vực AI vượt trội.

+ D sai: Robot AI bị đánh giá là không tối ưu, đặc biệt ở phổ thông.

Đáp án: C

Câu 20 (VD):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản, đối chiếu với văn bản rồi phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Văn bản nói rõ: Robot AI chỉ phù hợp nhất với đào tạo nghề, dạy kỹ năng.; Không phù hợp phổ thông, cân nhắc ở đại học; Tồn tại nhiều rào cản: chi phí – độ tin cậy – tính hướng đối tượng.

→ Kết luận hợp lý: AI chỉ có thể thay thế một phần, trong một số nhiệm vụ nhất định.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: Văn bản không cho thấy khả năng thay thế hoàn toàn.

+ B sai: Dù robot tinh vi, vẫn không phù hợp mọi bậc học.

+ D sai: AI vẫn có ứng dụng thiết thực trong giáo dục người trưởng thành.

Đáp án: C